TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 149/2023/DS-ST
Ngày: 18-7-2023
"Về tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Khêm.

Ông Thạch Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh, kiểm sát viên.

- Người hỗ trợ phiên toà tại điểm cầu trung tâm Toà án nhân dân huyện Tiểu Cần: Ông Đặng Văn Thi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Người hỗ trợ phiên toà tại điểm cầu thành phần tại Tại Hội trường Uỷ ban nhân dân xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần: Ông Đặng Hoàng Vũ– Phó Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã Hiếu Tử.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2022/TLST-DS, ngày 25 tháng 10 năm 2022, về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 320/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thạch Thị H**, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh **Sơn V**, sinh năm 1977 và chị **Sơn Thị Sa R**, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Tr, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2022 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Thạch Thị H trình bày: Chị có tham gia các dây hụi do chị Sơn Thị Sa R và anh Sơn V làm đầu thảo, loại hụi 3.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 26/02/2020, trừ hoa hồng đầu thảo là 900.000 đồng, có 16 phần hụi, 01 tháng khui hụi 02 lần chị đã đóng hụi sống được 06 lần, trong đó dây số 18 đóng số tiền là 5.660.000 đồng; dây số 19 đóng số tiền là 5.670.000 đồng; dây số 20 đóng số tiền là 5.960.000 đồng; dây số 21 đóng số tiền là 5.630.000 đồng; dây số 22 đóng số tiền là 5.690.000 đồng, tổng cộng chị đóng số tiền là 28.340.000 đồng.

Trong các dây hụi chị R và anh V ghi chị tên "Em H". Hụi khui được 06 kỳ thì chị R và anh V không khui hụi tiếp và cho rằng vỡ hụi. Sau khi bể hụi bị đơn có trả cho chị được 15.000.000 đồng.

Tại phiên toà hôm nay chị rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 15.000.000 đồng chỉ yêu cầu chị R và anh V có trách nhiệm trả cho chị số tiền còn nợ là 13.340.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn chị Sơn Thị Sa R vắng mặt nhưng theo bản tự khai ngày 30/3/2023 có nội dung: Chị có làm đầu thảo, loại hụi 3.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 26/02/2020, trừ hoa hồng đầu thảo là 900.000 đồng, có 16 phần hụi. Chị Thạch Thị H tham gia và đóng hụi sống được 06 lần cụ thể: Trong đó dây số 18 đóng số tiền là 5.660.000 đồng; dây số 19 đóng số tiền là 5.670.000 đồng; dây số 20 đóng số tiền là 5.960.000 đồng; dây số 21 đóng số tiền là 5.630.000 đồng; dây số 22 đóng số tiền là 5.690.000 đồng tổng cộng số tiền là 28.340.000 đồng. Chị đồng ý cá nhân chị sẽ trả nợ cho chị Thạch Thị H với số tiền là 28.340.000 đồng và chồng chị không liên quan đến việc chị tổ chức góp hụi.

***Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất*:**

Chị Sơn Thị Sa R thừa nhận có nợ chị Thạch Thị H số tiền hụi là 28.340.000 đồng. Chị H không yêu cầu tính lãi.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất:

Chị H yêu cầu chị R và anh V trả số tiền hụi còn nợ là 13.340.000 đồng.

Chị Sơn Thị Sa R chỉ đồng ý một mình trả nợ cho chị Thạch Thị H số tiền hụi là 28.340.000 đồng.

Anh V không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của chị H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa chấp đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Chị R thừa nhận có làm chủ đầu thảo hụi và chị H có tham gia các dây hụi 18, 19, 20, 21 và 22 mỗi dây 01 phần hụi và còn nợ chị H là 28.340.000 đồng nhưng chị R chỉ đồng ý một mình trả nợ.

Chị R và anh V là chủ đầu thảo hụi có hưởng hoa hồng phải trả tiền hụi vốn mà các hụi viên đã đóng nhưng chị R và anh V không thực hiện nghĩa vụ của chủ hụi đối với hụi viên là đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi đối với hụi viên còn sống, nên lời trình bày của chị R việc tổ chức góp hụi không liên quan đến anh V là không có căn cứ vì chị R và anh V đang tồn tại mối quan hệ vợ chồng và khi tổ chức góp hụi tại nhà chung của vợ chồng và mục đích góp hụi nhằm phục vụ kinh tế gia đình, từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị R và anh V có nghĩa vụ liên đới trả cho chị H số tiền là 13.340.000 đồng, do bị đơn đã trả cho chị H được 15.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ việc chị H rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 15.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc bị đơn chị R và anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn số tiền vốn gốc góp hụi là 28.340.000 đồng là có thật mặc dù các bên không có lập thành hợp đồng nhưng bị đơn có lập danh sách hụi và giao cho nguyên đơn giữ, khi thực hiện hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các bên thực hiện hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc các bên thực hiện hợp đồng góp hụi bằng lời nói là phù hợp quy định tại Điều 119 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó hợp đồng có hiệu lực đối với các bên.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì chị R thừa nhận có làm đầu thảo hụi, loại hụi 3.000.000 đồng, khui lần đầu ngày 26/02/2020, trừ hoa hồng đầu thảo là 900.000 đồng, có 16 phần hụi (dây hụi số 18, 19, 20, 21 và 22). Chị R thừa nhận còn nợ chị H số tiền hụi sống đã đóng là 28.340.000 đồng nhưng chưa trả. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tình tiết không phải chứng minh phù hợp với quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vì nguyên đơn đưa ra yêu cầu và bị đơn đã thừa nhận. Việc nguyên đơn yêu cầu khởi kiện là thực hiện đúng quyền của hụi viên được quy định tại Điều 15 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định "*Về họ, hụi, biêu, phường*". Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền là 15.000.000 đồng, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là nằm trong phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Đối với ý kiến của chị R thừa nhận có nợ nhưng không đồng ý cùng anh V trả nợ chị H với lý do anh V không liên quan đến khoản nợ này là không có cơ sở chấp nhận, vì chị R và anh V đang tồn tại mối quan hệ hôn nhân và khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và việc chị R tổ chức góp hụi là nhằm đáp ứng nhu cầu kinh tế gia đình cũng như nhằm phát triển kinh tế gia đình nên đây là khoản nợ chung của vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Đối với ý kiến của anh V tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 30/3/2023 về việc anh không đứng ra trực tiếp tổ chức góp hụi nhưng anh biết vợ anh tổ chức góp hụi và anh không đồng ý cùng chị R trả chị H số tiền là 28.340.000 đồng là không có căn cứ, vì chị R và anh V đang tồn tại mối quan hệ hôn nhân, khi tổ chức góp hụi anh biết và không ý kiến phản đối nên khi phát sinh nợ thì khoản nợ này là khoản nợ chung của vợ chồng, nên anh V phải có trách nhiệm liên đới cùng chị R trả chị H số tiền còn nợ là 13.340.000 đồng.

[7] Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 244, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, 119, 429, khoản 2 Điều 468, 471 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định "*Về họ, hụi, biêu, phường*";

Áp dụng Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị H.

Buộc chị Sơn Thị Sa R và anh Sơn V có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị Thạch Thị H số tiền là 13.340.000 đồng (*Mười ba triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 15.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Sơn Thị Sa R và anh Sơn V phải chịu là 667.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Thạch Thị H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 709.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011566, ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân